

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/DS-ST

Ngày: 01/11/2018.

“V/v *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mung Niê.

2. Ông Trương Quang Chinh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2018 về việc; “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-DS ngày 20/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số Tòa nhà C, ... P, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H – Chức vụ: Giám đốc trung tâm Quản lý nợ khách hàng cá nhân, Khối quản trị rủi ro (văn bản ủy quyền số 3.0141017 ngày 16/01/2017).

Địa chỉ: Số (H10A), đường D, phường ..., quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng:

Ông Trần T – Chức vụ: QLKH Khối Ngân hàng bán lẻ PDG B – Ngân hàng TMCP Q – vắng mặt.

Địa chỉ: Số đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Nguyễn Hồng T – Chức vụ: Chuyên viên, Phòng XLN KHCN MN, Khối Quản trị rủi ro – Ngân hàng TMCP Q – có mặt.

Địa chỉ: Số ... đường D, phường, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Vợ chồng ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1 – vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn ông Trần T trình bày:

Vào ngày 07/11/2015 vợ chồng ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1 ký hợp đồng tín dụng số 007.HDDTD1.424.14/... với Ngân hàng TMCP Q, Phòng giao dịch B vay số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng); mục đích vay vốn: Đầu tư tài sản cố định phục vụ chăm sóc vườn cà phê kinh doanh lấy hạt của gia đình; thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày khoản vay được giải ngân. Lãi suất vay 7,9%/năm trong 12 tháng đầu tiên. Sau 12 tháng kể từ thời điểm giải ngân, lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/lần, lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng + 4%/năm do Ngân hàng Q công bố tại thời điểm điều chỉnh, phù hợp với các quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chính sách của Ngân hàng Q từng thời kỳ. Trả nợ gốc: Ngày 23/01/2016 trả 30.000.000 đồng; ngày 23/01/2017 trả 30.000.000 đồng; ngày 23/01/2018 trả 30.000.000 đồng; ngày 23/01/2019 trả 30.000.000 đồng. Trả nợ lãi hàng quý vào ngày 23.

Ngày 01/02/2016, Ngân hàng Q Phòng giao dịch B ký hợp đồng tín dụng số 0101.HDDTD1.424.16, với vợ chồng ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1 với nội dung Ngân hàng cho vợ chồng ông V, bà V1 vay số tiền 30.000.000 đồng; mục đích vay vốn: Bổ sung vốn đầu tư tài sản cố định phục vụ chăm sóc vườn cà phê kinh doanh khai thác lấy hạt; thời hạn vay 35 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay 8,99%/năm trong 12 tháng đầu tiên. Từ tháng 13 trở đi, lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm thông thường 12 tháng (lĩnh lãi cuối kỳ) + 3,3%/năm, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, phù hợp với các quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chính sách của Ngân hàng Q từng thời kỳ. Trả nợ gốc: Ngày 01/01/2017 trả 10.000.000 đồng; ngày 01/01/2018 trả 10.000.000 đồng; ngày 01/01/2019 trả 10.000.000 đồng; trả nợ lãi hàng quý vào ngày 23, kỳ trả lãi đầu tiên 23/02/2016.

Ngân hàng TMCP Q Phòng giao dịch B đã giải ngân cho ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1 theo các khế ước nhận nợ sau:

Khế ước nhận nợ số 007.KUNN1.424.14/VIB ngày 23/01/2015 với số tiền 120.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Khế ước nhận nợ số 0101.KUNN1.424.16 ngày 01/02/2016 với số tiền 30.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Biện pháp bảo đảm cho khoản vay: Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 007.HĐTC1.424.14/VIB ngày 22/01/2015, là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại giấy CNQSDĐ số BT 092580, thửa đất số 16, tờ bản đồ số 98, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; do UBND huyện K cấp ngày 31/12/2014 cho ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1.

Sau khi vay ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1 luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Do đó Ngân hàng Q đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc của khách hàng sang nợ quá hạn từ ngày 23/01/2017. Tạm tính đến ngày 01/11/2018, ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1 còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền gốc và lãi là 159.647.342 đồng (một trăm năm mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi

hai đồng). Trong đó nợ gốc là 119.980.133 đồng; nợ lãi trong hạn 3.009.037 đồng; nợ lãi quá hạn 36.658.171 đồng. Nay Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1 phải trả toàn bộ khoản nợ gốc và lãi phát sinh là 159.647.342 đồng (một trăm năm mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó nợ gốc là 119.980.133 đồng; nợ lãi trong hạn 3.009.037 đồng; nợ lãi quá hạn 36.658.171 đồng. Tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 02/11/2018 cho đến khi ông V, bà V1 trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp vợ chồng ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan chức năng xử lý tài sản bảo đảm tiền vay tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 007.HĐTC1.424.14/VIB ngày 22/01/2015 theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Do bị đơn là ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1 vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông V, bà V1.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và của những người tham gia tố tụng.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình đối trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 BLTTDS. Đối với bị đơn ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1 đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 72 và Điều 234 BLTTDS.

Về giải quyết nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nhận thấy: Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa ông Trần Thanh V và bà Đặng Thị V1 với Ngân hàng Q chi nhánh Đắk Lắk, Phòng giao dịch B là có thật, Ngân hàng đã giao đủ tiền theo hợp đồng tín dụng đã ký, ông V, bà V1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Ngân hàng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng, buộc bị đơn ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1 phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký số 007.HDDTD1.424.14/VIB ngày 07/11/2015 và hợp đồng tín dụng số 0101.HDDTD1.424.16 ngày 01/02/2016.

Trường hợp vợ chồng ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q được quyền yêu cầu cơ quan chức năng xử lý tài sản bảo đảm tiền vay tại Hợp đồng thế chấp số 007.HĐTC1.424.14/VIB ngày 22/01/2015 theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là loại việc tranh chấp về dân sự (tranh chấp hợp đồng tín dụng) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và loại việc tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[3]. Về yêu cầu của đương sự nhận thấy rằng: Vào ngày 07/11/2015 vợ chồng ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1 ký hợp đồng tín dụng số 007.HDDTD1.424.14/... với Ngân hàng TMCP Q, Phòng giao dịch B vay số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng); mục đích vay vốn: Đầu tư tài sản cố định phục vụ chăm sóc vườn cà phê kinh doanh lấy hại của gia đình; thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày khoản vay được giải ngân. Lãi suất vay 7,9%/năm trong 12 tháng đầu tiên. Sau 12 tháng kể từ thời điểm giải ngân, lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/lần, lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng + 4%/năm do Ngân hàng Q công bố tại thời điểm điều chỉnh, phù hợp với các quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chính sách của Ngân hàng từng thời kỳ. Trả nợ gốc: Ngày 23/01/2016 trả 30.000.000 đồng; ngày 23/01/2017 trả 30.000.000 đồng; ngày 23/01/2018 trả 30.000.000 đồng; ngày 23/01/2019 trả 30.000.000 đồng. Trả nợ lãi hàng quý vào ngày 23.

Ngày 01/02/2016 Ngân hàng Q Phòng giao dịch B ký hợp đồng tín dụng số 0101.HDDTD1.424.16, với vợ chồng ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1 với nội dung Ngân hàng cho vợ chồng ông V, bà V1 vay số tiền 30.000.000 đồng; mục đích vay vốn: Bổ sung vốn đầu tư tài sản cố định phục vụ chăm sóc vườn cà phê kinh doanh khai thác lấy hạt; thời hạn vay 35 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay 8,99%/năm trong 12 tháng đầu tiên. Từ tháng 13 trở đi, lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm thông thường 12 tháng (lĩnh lãi cuối kỳ) + 3,3%/năm, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, phù hợp với các quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chính sách của Ngân hàng Q từng thời kỳ. Trả nợ gốc: Ngày 01/01/2017 trả 10.000.000 đồng; ngày 01/01/2018 trả 10.000.000 đồng; ngày 01/01/2019 trả 10.000.000 đồng; trả nợ lãi hàng quý vào ngày 23, kỳ trả lãi đầu tiên 23/02/2016.

Ngân hàng TMCP Q, Phòng giao dịch B đã giải ngân cho ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1 theo các khế ước nhận nợ sau:

Khế ước nhận nợ số 007.KUNN1.424.14/VIB ngày 23/01/2015 với số tiền 120.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Khế ước nhận nợ số 0101.KUNN1.424.16 ngày 01/02/2016 với số tiền 30.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Biện pháp bảo đảm cho khoản vay: Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 007.HĐTC1.424.14/VIB ngày 22/01/2015, là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại giấy CNQSDĐ số BT 092580, thửa đất số 16, tờ bản đồ số 98, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; do UBND huyện K cấp ngày 31/12/2014 cho ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1.

Sau khi vay ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1 luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Do đó Ngân hàng Q đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc của khách hàng sang nợ quá hạn từ ngày 23/01/2017. Tạm tính đến ngày 01/1/2018, ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1 còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền gốc và lãi là 159.647.342 đồng (một trăm năm mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó nợ gốc là 119.980.133 đồng; nợ lãi trong hạn 3.009.037 đồng; nợ lãi quá hạn 36.658.171 đồng. Nay Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1 phải trả toàn bộ khoản nợ gốc và lãi phát sinh là 159.647.342 đồng (một trăm năm mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó nợ gốc là 119.980.133 đồng; nợ lãi trong hạn 3.009.037 đồng; nợ lãi quá hạn 36.658.171 đồng. Tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 02/11/2018 cho đến khi ông V, bà V1 trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp vợ chồng ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q được quyền yêu cầu cơ quan chức năng xử lý tài sản bảo đảm tiền vay tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 007.HĐTC1.424.14/VIB ngày 22/01/2015 theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng đã ký là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi suất, trong thời hạn vay từ ngày 07/11/2015 (hợp đồng tín dụng số 007.HDDTD1.424.14/VIB) và ngày 01/02/2016 (hợp đồng tín dụng số 0101.HDDTD1.424.16) cho đến nay ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1 mới trả cho Ngân hàng số tiền 30.000.000 đồng tiền gốc tại Hợp đồng tín dụng số 007.HDDTD1.424/VIB ký ngày 07/01/2015. Tính đến ngày 01/11/2018, theo hai hợp đồng tín dụng đã ký ông V, bà V1 còn nợ tổng số tiền là 159.647.342 đồng (một trăm năm mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó nợ gốc là 119.980.133 đồng; nợ lãi trong hạn 3.009.037 đồng; nợ lãi quá hạn 36.658.171 đồng, tạm tính đến ngày 01/11/2018. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông V, bà V1 nhưng ông V, bà V1 không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không tiến hành làm việc cũng như hòa giải cho các đương sự được. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1 có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa phương thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Ông V, bà V1 cũng đã nhận được giấy báo, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác của Tòa án. Tuy nhiên, ông V, bà V1 cố tình trốn tránh, không tham gia tố tụng. Như vậy buộc ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1 phải trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền là 159.647.342 đồng (một trăm năm mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó nợ gốc là 119.980.133 đồng; nợ lãi trong hạn 3.009.037 đồng; nợ lãi quá hạn 36.658.171 đồng, tạm tính đến ngày 01/11/2018 và tiếp tục tính lãi trên số nợ gốc phát sinh tính từ ngày 02/11/2018 cho đến khi ông V, bà V1 trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 007.HDDTD1.424.14/VIB ngày 07/11/2015 và hợp đồng tín dụng số 0101.HDDTD1.424.16 ngày 01/02/2016, là phù hợp với Điều 471, Điều 474, Điều 478 BLDS năm 2005.

Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số 007.HĐTC1.424.14/VIB ngày 22/01/2015, việc thế chấp tài sản trên đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện K, tỉnh Đắk Lắk là đúng theo quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành, ông V, bà V1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất kèm theo giấy CNQSDĐ số BT 092580, thửa đất số 16, tờ bản đồ số 98, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; do UBND huyện K cấp ngày 31/12/2014 cho ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1 sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật để Ngân hàng thu hồi nợ là phù hợp với Điều 355, Điều 721 BLDS năm 2005.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP Q không phải chi án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.666.872 đồng theo biên lai số AA/2017/0004874 ngày 07/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk. Bị đơn ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1 phải chịu 7.983.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 147 BLTTDS; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 355; Điều 471, Điều 474, Điều 478 và Điều 721 BLDS năm 2005; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 47 BLTTDS; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q.

- Buộc ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1 phải trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền là 159.647.342 đồng (một trăm năm mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó nợ gốc là 119.980.133 đồng; nợ lãi trong hạn 3.009.037 đồng; nợ lãi quá hạn 36.658.171 đồng, tạm tính đến ngày 01/11/2018. Tiếp tục tính lãi trên số nợ gốc phát sinh tính từ ngày 02/11/2018 cho đến khi ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1 trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký số 007.HDDTD1.424.14/VIB ngày 07/11/2015 và hợp đồng tín dụng số 0101.HDDTD1.424.16 ngày 01/02/2016.

Trường hợp vợ chồng ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Q được quyền yêu cầu cơ quan chức năng xử lý tài sản bảo đảm tiền vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy CNQSDĐ số BT 092580, thửa đất số 16, tờ bản đồ số 98, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; do UBND huyện K cấp ngày 31/12/2014 cho ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị

V1, thể hiện tại Hợp đồng thế chấp số 007.HĐTC1.424.14/VIB ngày 22/01/2015 theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

[2]. Về án phí: Ông Trần Thanh V, bà Đặng Thị V1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.983.000 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.666.872 đồng theo biên lai số AA/2017/0004874 ngày 07/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Anh Thái